

GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG
(Cấp điều chỉnh lần thứ nhất)

BAN QUẢN LÝ KHU KINH TẾ TỈNH BÌNH ĐỊNH

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17 tháng 11 năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường; Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022;

Căn cứ Nghị định số 35/2022/NĐ-CP ngày 28 tháng 5 năm 2022 của Chính phủ quy định về quản lý khu công nghiệp và khu kinh tế;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Quyết định số 70/2022/QĐ-UBND ngày 31 tháng 10 năm 2022 của UBND tỉnh về việc ban hành Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Ban Quản lý Khu kinh tế;

Căn cứ Quyết định số 1746/QĐ-UBND ngày 01 tháng 6 năm 2022 của UBND tỉnh về việc ủy quyền cho Ban Quản lý Khu kinh tế giải quyết một số thủ tục hành chính trên lĩnh vực môi trường thuộc phạm vi thẩm quyền của UBND tỉnh;

Căn cứ Giấy phép môi trường số 15/GPMT-BQL ngày 27 tháng 10 năm 2022 của Ban Quản lý Khu kinh tế đã cấp cho Công ty TNHH Bigrfeed Bình Định;

Xét Văn bản số 01/CV-BGFBD ngày 02/02/2025 của Công ty TNHH Bigrfeed Bình Định về việc đề nghị cấp điều chỉnh Giấy phép môi trường của dự án Nhà máy sản xuất thức ăn chăn nuôi Bigrfeed Bình Định;

Theo đề nghị của Trưởng Phòng Quản lý Tài nguyên và Môi trường.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Điều chỉnh nội dung Giấy phép môi trường số 15/GPMT-BQL ngày 27 tháng 10 năm 2022 của Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh Bình Định cấp cho Công ty TNHH Bigrfeed Bình Định, có địa chỉ tại: Lô E4.2, Khu công nghiệp Nhơn Hòa, xã Nhơn Thọ, thị xã An Nhơn, tỉnh Bình Định, chi tiết tại Phụ lục kèm theo Giấy phép điều chỉnh này. Các nội dung khác giữ nguyên theo Giấy phép môi trường số 15/GPMT-BQL ngày 27 tháng 10 năm 2022.

Điều 2. Công ty TNHH Bigrfeed Bình Định tiếp tục thực hiện các nội dung của Giấy phép môi trường số 15/GPMT-BQL ngày 27 tháng 10 năm 2022 và các nội dung được điều chỉnh tại Phụ lục kèm theo Giấy phép môi trường điều chỉnh

này.

Điều 3. Giấy phép môi trường điều chỉnh này có hiệu lực từ ngày ký cho đến khi Giấy phép môi trường số 15/GPMT-BQL ngày 27 tháng 10 năm 2022 hết hiệu lực./.

Nơi nhận:

- UBND tỉnh (báo cáo);
- Sở Tài nguyên và Môi trường;
- UBND thị xã An Nhơn;
- Trung tâm phục vụ HCC tỉnh;
- UBND xã Nhơn Thọ;
- Công ty TNHH ĐTHH KCN Nhơn Hòa;
- Công ty TNHH Bigrfeed Bình Định;
- Lãnh đạo Ban;
- Văn phòng Ban (để công khai);
- Các Phòng: QLĐT, QLQH XD, QLDN;
- VPĐD Ban Quản lý;
- Lưu: VT, P.QLTNMT.

**KT. TRƯỞNG BAN
PHÓ TRƯỞNG BAN**



Nguyễn Thanh Nguyên

Phụ lục

NỘI DUNG GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG ĐIỀU CHỈNH

(Kèm theo Giấy phép môi trường điều chỉnh số 09 /GPMT-BQL ngày 12 tháng 02 năm 2025 của Ban Quản lý Khu kinh tế)



1. Điều chỉnh nội dung cấp phép xả khí thải và yêu cầu về bảo vệ môi trường đối với thu gom, xử lý khí thải tại Phụ lục 1 ban hành kèm theo Giấy phép môi trường số 15/GPMT-BQL ngày 27 tháng 10 năm 2022, cụ thể như sau:

1.1. Điều chỉnh nội dung nguồn phát sinh khí thải tại Mục 1, Phần A:

“1. Nguồn phát sinh khí thải:

- Nguồn số 1: Khí thải phát sinh từ hoạt động của lò hơi, công suất 03 tấn/giờ.
- Nguồn số 2: Bụi phát sinh từ dây chuyền sản xuất (trừ bụi phát sinh từ các khu vực nạp liệu số 1, 2 và 3 không xả thải ra ngoài môi trường)”.

1.2. Điều chỉnh nội dung dòng khí thải, vị trí xả khí thải tại Mục 2, Phần A:

1.2.1. Điều chỉnh nội dung vị trí xả khí thải tại điểm 2.1, Mục 2, Phần A:

“2.1. Vị trí xả khí thải:

- Dòng số 1: Tại miệng ống thoát của hệ thống xử lý khí thải lò hơi 03 tấn/giờ, tọa độ $X = 1.530.285$; $Y = 587.683$.
- Dòng số 2: Tại miệng ống thoát của hệ thống xử lý bụi phát sinh từ máy nghiền số 1, tọa độ $X = 1.530.311$; $Y = 587.710$.
- Dòng số 3: Tại miệng ống thoát của hệ thống xử lý bụi phát sinh từ máy nghiền số 2, tọa độ $X = 1.530.315$; $Y = 587.713$.
- Dòng số 4: Tại miệng ống thoát của hệ thống xử lý bụi phát sinh từ máy nghiền số 3, tọa độ $X = 1.530.317$; $Y = 587.715$.
- Dòng số 5: Tại miệng ống thoát của hệ thống xử lý bụi phát sinh từ khu vực nạp liệu hàng rời, tọa độ $X = 1.530.294$; $Y = 587.676$.

(Hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến $108^{\circ}15'$, múi giờ 3°)”.

1.2.2. Điều chỉnh nội dung lưu lượng xả khí thải lớn nhất tại điểm 2.2, Mục 2, Phần A:

“2.2. Lưu lượng xả khí thải lớn nhất: $74.880 \text{ m}^3/\text{giờ}$. Trong đó:

- Dòng số 1: Lưu lượng $12.000 \text{ m}^3/\text{giờ}$.
- Dòng số 2: Lưu lượng $16.440 \text{ m}^3/\text{giờ}$.
- Dòng số 3: Lưu lượng $16.440 \text{ m}^3/\text{giờ}$.
- Dòng số 4: Lưu lượng $12.000 \text{ m}^3/\text{giờ}$.

- Dòng số 5: Lưu lượng 18.000 m³/giờ.

2.2.1. Phương thức xả khí thải:

- Dòng số 1, 2, 3, 4: Xả liên tục 24 giờ/ngày.

- Dòng số 5: Xả gián đoạn 08 giờ/ca, 16 giờ/ngày.

2.2.2. Chất lượng khí thải trước khi xả vào môi trường không khí: Phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và Quy chuẩn kỹ thuật môi trường đối với bụi, khí thải theo QCVN 19:2009/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ, cột B, Kp = 0,9 và Kv = 1,0, cụ thể như sau:

STT	Chất ô nhiễm	Đơn vị tính	Giá trị giới hạn cho phép (Cmax)	Tần suất quan trắc định kỳ	Quan trắc tự động, liên tục
01	Dòng số 1:				
	Bụi tổng	mg/Nm ³	180	6 tháng 1 lần	Không thuộc đối tượng
	CO	mg/Nm ³	900		
	SO ₂	mg/Nm ³	450		
	NO _x	mg/Nm ³	765		
	Lưu lượng	m ³ /giờ	-		
	Nhiệt độ	°C	-		
02	Dòng số 2 đến dòng số 5:				
	Bụi tổng	mg/Nm ³	180	6 tháng 1 lần	Không thuộc đối tượng
	Lưu lượng	m ³ /giờ	-		

1.3. Điều chỉnh nội dung mạng lưới thu gom bụi, khí thải từ các nguồn phát sinh bụi, khí thải (nguồn số 2) để đưa về hệ thống xử lý bụi, khí thải tại điểm 1.1, Mục 1, Phần B:

“- Nguồn số 2: Được thu gom vào 04 hệ thống xử lý bụi, cụ thể:

+ Bụi phát sinh từ 03 máy nghiền được thu gom trực tiếp vào 03 hệ thống xử lý bụi độc lập bằng 03 quạt hút có công suất 22kW/quạt (đối với máy nghiền số 1 và máy nghiền số 2) và 7,5kW (đối với máy nghiền số 3);

+ Bụi phát sinh từ khu nhập liệu hàng rời được thu gom trực tiếp vào hệ thống xử lý bụi bằng 01 quạt hút có công suất 11kW”.

1.4. Điều chỉnh nội dung công trình, thiết bị xử lý bụi, khí thải tại điểm 1.2, Mục 1, Phần B:

“1.2.1. Công trình xử lý khí thải (nguồn số 1):

- Tóm tắt quy trình công nghệ: Khí thải → Xyclon lọc bụi khô → Bể chứa nước → Ống khói → Thoát ra môi trường.

- Công suất thiết kế: 12.000 m³/giờ.

- Hóa chất, vật liệu sử dụng: Không.

1.2.2. Công trình xử lý bụi (nguồn số 2):

- Tóm tắt quy trình công nghệ: Bụi → Hệ thống lọc bụi túi vải → Ống thoát → Thoát ra môi trường bên ngoài nhà xưởng sản xuất.

- Công suất thiết kế:

+ Hệ thống xử lý bụi phát sinh từ máy nghiền số 1: 16.440 m³/giờ.

+ Hệ thống xử lý bụi phát sinh từ máy nghiền số 2: 16.440 m³/giờ.

+ Hệ thống xử lý bụi phát sinh từ máy nghiền số 3: 12.000 m³/giờ.

+ Hệ thống xử lý bụi phát sinh từ khu vực nhập liệu hàng rời: 18.000 m³/giờ.

- Hóa chất, vật liệu sử dụng: Không”.

1.5. Điều chỉnh nội dung kế hoạch vận hành thử nghiệm tại Mục 2, Phần B:

“2.1. Thời gian vận hành thử nghiệm:

- Hệ thống xử lý khí thải lò hơi; hệ thống xử lý bụi phát sinh từ máy nghiền số 1, số 2 và hệ thống nạp liệu hàng rời: Thực hiện theo kế hoạch vận hành thử nghiệm tại Văn bản số 06/TB-BGFBĐ ngày 16 tháng 10 năm 2024 của Công ty TNHH Bigrfeed Bình Định đã gửi đến Ban Quản lý Khu kinh tế.

- Hệ thống xử lý bụi phát sinh từ máy nghiền số 3: Không quá 06 tháng và phải đảm bảo đánh giá được hiệu quả của công trình xử lý theo quy định.

2.2. Công trình, thiết bị xả bụi, khí thải phải vận hành thử nghiệm: 01 hệ thống xử lý khí thải lò hơi và 04 hệ thống xử lý bụi.

2.2.1. Vị trí lấy mẫu: Tại lỗ lấy mẫu trên 05 ống thoát của 05 hệ thống xử lý bụi, khí thải được cấp phép tại Phụ lục này.

2.2.2. Chất ô nhiễm chính và giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm: Theo điểm 1.2.2, mục 1.2, phần 1 Phụ lục này”.

2. Các yêu cầu và điều kiện kèm theo đối với nội dung điều chỉnh

Công ty TNHH Bigrfeed Bình Định tự chịu trách nhiệm trước pháp luật đối với các nội dung điều chỉnh. Trong quá trình thực hiện Dự án, trường hợp có thay đổi nội dung so với Giấy phép môi trường đã cấp và nội dung điều chỉnh tại Giấy phép này đến mức phải lập lại hoặc điều chỉnh Giấy phép môi trường đã cấp thì Công ty phải lập hồ sơ đề nghị cấp lại hoặc cấp điều chỉnh Giấy phép môi trường của Dự án và gửi về Ban Quản lý Khu kinh tế để được xem xét, cấp phép theo quy định trước khi thực hiện việc thay đổi và chỉ được triển khai thực hiện sau khi được cấp hoặc cấp điều chỉnh Giấy phép môi trường.